

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 829 /QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 06/6/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông.
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DTC.
- Địa chỉ trụ sở:** Đường Z115, Quyết Thắng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://ictu.edu.vn/>.
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0981.336628 - 0981.336629.
- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án:** <https://tuyensinh.ictu.edu.vn/>
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo** (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...):
<https://ictu.edu.vn/category/ba-cong-khai/>; <https://tuyensinh.ictu.edu.vn/>.

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (*theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên*) hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương (*sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT*) có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào học một trong các ngành đào tạo đại học của nhà trường.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với thí sinh khuyết tật được cấp có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Phương thức 1 (100): Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025.
- Phương thức 2 (200): Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT.
- Phương thức 3 (416): Xét tuyển theo kết quả đánh giá đầu vào đại học (V-SAT).
- Phương thức 4 (301): Xét tuyển thẳng theo quy định của bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào: Công bố cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.
- Điểm trúng tuyển: Công bố cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển

4.1. Tổ hợp xét tuyển

4.1.1. Chương trình đào tạo Tiếng Anh truyền thông

+ Phương thức 1 (100): Toán + Tiếng Anh + Môn 3.

+ Phương thức 2 (200): Toán + Tiếng Anh + Môn 3.

+ Phương thức 3 (416): D01: Toán, Văn, Tiếng Anh.

Môn 3 là môn bất kỳ trong các môn: Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục công dân, Tin học, Công nghệ nông nghiệp, Công nghệ công nghiệp.

4.1.2. Chương trình đào tạo Vi mạch bán dẫn

+ Phương thức 1 (100): Toán + Môn 2 + Môn 3.

+ Phương thức 2 (200): Toán + Môn 2 + Môn 3.

+ Phương thức 3 (416): A00: Toán, Vật lý, Hóa học.

Môn 2 là môn bất kỳ trong các môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học.

Môn 3 là môn bất kỳ trong các môn: Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục công dân, Tin học, Công nghệ nông nghiệp, Công nghệ công nghiệp, Tiếng Anh.

Trong đó Môn 2, Môn 3 không được trùng nhau

4.1.3. Các chương trình đào tạo còn lại

+ Phương thức 1 (100): Toán + Môn 2 + Môn 3.

+ Phương thức 2 (200): Toán + Môn 2 + Môn 3.

+ Phương thức 3 (416): A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Văn, Tiếng Anh.

Môn 2, Môn 3 là môn bất kỳ trong các môn: : Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục công dân, Tin học, Công nghệ nông nghiệp, Công nghệ công nghiệp, Tiếng Anh (trừ các tổ hợp môn: Toán, Tin học, Giáo dục công dân; Toán, Công nghệ nông nghiệp, Giáo dục công dân; Toán, Công nghệ công nghiệp, Giáo dục công dân).

Trong đó Môn 2, Môn 3 không được trùng nhau

4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
Nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng (72104)					300		
1	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	300	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2) - Phương thức 3: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán,	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						Ngữ văn, Tiếng Anh	
Nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202)					50		
2	7220201	Tiếng anh truyền thông	7220201	Ngôn ngữ anh	50	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Tiếng Anh + Môn 1). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Tiếng Anh + Môn 1) - Phương thức 3: (Tổ hợp: D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)	
Nhóm ngành Kinh tế học (73101)					80		
3	7310109	Quản trị kinh doanh số	7310109	Kinh tế số	40	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2) - Phương thức 3: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)	
4	7310109_TC	Công nghệ tài chính	7310109	Kinh tế số	40		
Nhóm ngành Báo chí và truyền thông (73201)					580		
5	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	400	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2) - Phương thức 3: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)	
6	7320104_NTS	Nghệ thuật số	7320104	Truyền thông đa phương tiện	50		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
7	7320106	Công nghệ truyền thông	7320106	Công nghệ truyền thông	130		
Nhóm ngành Kinh doanh (73401)					370		
8	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	185	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2) - Phương thức 3: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	
9	7340122_TD	Marketing số	7340122	Thương mại điện tử	185	(Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	
Nhóm ngành Quản trị - Quản lý (73404)					220		
10	7340405	Quản lý logistics và chuỗi cung ứng	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	60	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2) - Phương thức 3: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	
11	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng	160	(Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	
Nhóm ngành Máy tính (74801)					400		
12	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	210	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2) - Phương thức 3: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	
13	7480103_KNU	Kỹ thuật phần mềm liên kết quốc tế	7480103	Kỹ thuật phần mềm	20	(Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2)	
14	7480108	Kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	70	(Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	
15	7480101	Khoa học máy tính (Trí tuệ nhân tạo và dữ	7480101	Khoa học máy tính	100		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
		liệu lớn)					
Nhóm ngành Công nghệ thông tin (74802)					1.050		
16	7480202	An ninh mạng	7480202	An toàn thông tin	70	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2) - Phương thức 3: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	
17	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	880		
18	7480201_NN	Công nghệ thông tin trong nông nghiệp	7480201	Công nghệ thông tin	20		
19	7480201_TD	Công nghệ thông tin trọng điểm	7480201	Công nghệ thông tin	50		
20	7480201_QT	Công nghệ thông tin quốc tế	7480201	Công nghệ thông tin	30		
Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí (75102)					150		
21	7510212	Công nghệ ô tô	7510212	Công nghệ ô tô và giao thông thông minh	150	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2) - Phương thức 3: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	
Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông (75103)					390		
22	7510301	Kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	110	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2) - Phương thức 3: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa	
23	7510302	Điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn	50		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
				thông		học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	
24	7510302_V	Vi mạch bán dẫn	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	50	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2) - Phương thức 3: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học)	
25	7510303	Tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	160	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2)	
26	7510303_NN	Công nghệ nông nghiệp	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	20	- Phương thức 3: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)	
Nhóm ngành Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật (75201)					60		
27	7520119	Cơ điện tử	7520119	Kỹ thuật cơ điện tử thông minh và Robot	60	- Phương thức 1: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2: (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2) - Phương thức 3: (Tổ hợp: A00: Toán, Vật lý, Hóa học; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trường không áp dụng tiêu chí phụ trong xét tuyển. Không có sự chênh lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng 1 phương thức.

5.2. Điểm cộng: Trường không áp dụng cộng điểm với các thí sinh có thành tích đặc biệt và chứng chỉ ngoại ngữ. Đối với ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh áp dụng theo

quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.3. Các thông tin khác

- Mã trường: DTC
- Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (*theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên*) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (*đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam*) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (*sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT*).

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

A) Đối với thí sinh Việt Nam

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT.

Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT:

+ Thí sinh phải có kết quả thi 3 môn theo tổ hợp + Điểm ưu tiên (*nếu có*) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học do Nhà trường công bố.

Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp + Điểm ưu tiên.

Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT

Thí sinh là đối tượng tuyển sinh đạt điều kiện sau

Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + điểm ưu tiên (*nếu có*) đạt từ 18.0 trở lên.

Điểm xét tuyển = [Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 (*3 môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển*)] + Điểm ưu tiên.

Xét tuyển theo kết quả thi V-Sat

Thí sinh phải có kết quả thi 3 môn theo tổ hợp + Điểm ưu tiên (*nếu có*) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học do Nhà trường công bố.

Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp + Điểm ưu tiên.

B) Đối với thí sinh Việt Nam đã học và tốt nghiệp THPT ở nước ngoài, thí sinh đã tốt nghiệp THPT các trường Quốc tế tại Việt Nam:

- Đã tốt nghiệp THPT
- Có điểm kết quả học tập THPT đạt từ điểm D trở lên (*điểm học bạ được quy đổi sang thang điểm 10 theo tổ hợp môn: Toán – Ngoại ngữ – và 1 môn tự chọn khác*) hoặc kết quả kiểm tra kiến thức tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định của Trường.

C) Đối với lưu học sinh quốc tế:

- Đã tốt nghiệp THPT
- Có sức khỏe tốt;
- Không vi phạm pháp luật tại các nước sở tại;

- Năng lực tiếng Anh tốt (đến từ các nước sử dụng Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 hoặc có chứng chỉ quốc tế - đối với chương trình đào tạo quốc tế); chứng chỉ tiếng Việt (đối với các chương trình đào tạo đại trà).

- Có đủ các giấy tờ khác theo quy định.

D) Đối với chương trình đào tạo liên kết quốc tế

Ngoài đảm bảo đạt yêu cầu theo các mục A hoặc B hoặc C thí sinh dự tuyển phải có trình độ Tiếng Anh tối thiểu đạt Bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tương đương được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

E) Đối với chương trình đào tạo Vi mạch bán dẫn

Ngoài đảm bảo đạt yêu cầu theo các mục A hoặc B hoặc C: Tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT đạt tối thiểu 24/30 điểm, trong đó điểm bài thi môn toán đạt tối thiểu 8/10 điểm. Các phương thức xét tuyển khác được quy đổi tương đương theo điều kiện xét tuyển của phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT.

6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển.

- Đợt chính thức: Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Dự kiến các đợt bổ sung:

+ Đợt bổ sung đợt 1: từ ngày 01/9 đến 30/09/2025.

+ Đợt bổ sung đợt 2: từ ngày 01/10 đến tháng 12/2025.

- Đối với phương thức xét tuyển thẳng: Theo quy định của bộ Giáo dục và Đào tạo

Thời gian nộp hồ sơ: Thí sinh nộp hồ sơ trước ngày 30/6/2025

- Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả thi V-Sat

Đợt chính thức:

Bước 1:

Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại trường hoặc chuyển phát nhanh hồ sơ qua đường bưu điện.

Thời gian nộp hồ sơ: từ 15/3 đến 07/7/2025

Bước 2: Thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia)

Thời gian đăng ký: Từ 16/7 đến 17h00 ngày 28/7/2025

Các đợt bổ sung:

Thời gian xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung sẽ có thông báo cụ thể trên website: <https://tuyensinh.ictu.edu.vn/>.

- Đối với thí sinh ĐKXT điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Các điều kiện xét tuyển: Trường không tổ chức sơ tuyển

Đợt chính thức:

+ Hình thức đăng ký xét tuyển: Thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (*qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia*)

+ Thời gian đăng ký: Từ 16/7 đến 17h00 ngày 28/7/2025.

Các đợt bổ sung:

+ Thời gian xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung sẽ có thông báo cụ thể trên website: <https://tuyensinh.ictu.edu.vn/>

- Đối với thí sinh ĐKXT theo kết quả học bạ THPT:

Đợt chính thức:

Bước 1:

Thí sinh thực hiện đăng ký trực tuyến tại website tuyển sinh chính thức của trường tại địa chỉ <http://dkxt.ictu.edu.vn/>.

Thời gian đăng ký: từ 30/5 đến 07/7/2025

Bước 2:

+ Thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (*qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia*)

+ Thời gian đăng ký: Từ 16/7 đến 17h00 ngày 28/7/2025.

Các đợt bổ sung:

Thời gian xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung sẽ có thông báo cụ thể trên website: <https://tuyensinh.ictu.edu.vn/>.

7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Thí sinh được xét tuyển thẳng vào trường nếu thuộc một trong các đối tượng:

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT.

b) Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

- Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

c) Hiệu trưởng nhà trường căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (*trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức*):

- Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do nhà trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;
- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;
- Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (*học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú*) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
- Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

d) Nhà trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển khác (*được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT* đối với các trường hợp sau đây:

- Thí sinh quy định tại khoản a, b mục này dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (*không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng*);
- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;
- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Đợt 1: Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển theo quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.
- Các đợt bổ sung: Nhà trường miễn lệ phí cho thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành học của trường.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Nếu có đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại sai sót về thông tin (*khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên, điểm xét tuyển, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển...*) trường xem xét giải quyết hoặc phối hợp với các CSĐT có liên quan để giải quyết theo quy định đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh.
- Tư vấn, hỗ trợ và giải quyết phản ánh, khiếu nại và bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong các trường hợp có sai sót thông tin.
- Nếu phản ánh, khiếu nại thay đổi kết quả xét tuyển, trường sẽ báo cáo về Đại học Thái

Nguyên và Bộ GDĐT để cập nhật vào hệ thống và phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

10.1. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm.

10.1.1. Học phí năm học 2025-2026 đối với chương trình đại trà

+ Khối ngành II: Nghệ thuật (Thiết kế đồ họa): 1.520.000đ/1 tháng

+ Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý (Thương mại điện tử; Marketing số; Quản trị văn phòng; Quản lý logistics và chuỗi cung ứng): 1.590.000 đ/1 tháng

+ Khối ngành V: Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật (Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin; An toàn thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Công nghệ ô tô; Kỹ thuật điện, điện tử; Điện tử - viễn thông; Tự động hóa; Cơ điện tử; Vi mạch bán dẫn): 1.850.000đ/1 tháng

+ Khối ngành VII: Báo chí và thông tin; Khoa học xã hội và hành vi; Nhân văn (Công nghệ truyền thông; Truyền thông đa phương tiện; Nghệ thuật số; Quản trị kinh doanh số; Công nghệ tài chính; Ngôn Tiếng Anh truyền thông): 1.690.000đ/1 tháng.

- Lộ trình tăng học phí thực hiện theo các Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập ; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

10.1.2. Học phí năm học 2025-2026 đối với chương trình quốc tế, liên kết quốc tế

- Chương trình đào tạo Kỹ thuật phần mềm liên kết quốc tế: Thực hiện theo đề án được phê duyệt là 2.000 USD/1 năm/1 sinh viên, quy đổi sang Việt Nam đồng 51.820.000/1 năm/1 sinh viên.

- Chương trình đào tạo Công nghệ thông tin quốc tế

+ Sinh viên lớp chuyên ngành: 14.500.000đ/1 học kỳ

+ Sinh viên lớp tiếng Anh dự bị: 7.000.000đ/1 học kỳ.

10.2. Thông tin liên hệ tư vấn tuyển sinh

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - ĐHTN

- Địa chỉ: Đường Z115, Quyết Thắng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Hotline: 0981 33 66 28 - 0981 33 66 29.

- Website: <https://tuyensinh.ictu.edu.vn/>

- Email: tuyensinh@ictu.edu.vn

- Facebook: <https://www.facebook.com/ictu.vn/>

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
Nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng (72104)												
1	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	Điểm thi THPT (100) Học bạ THPT (200)	350	252	- Điểm thi: 20.6/30 - Học bạ: 19.1/30	350	304	- Điểm thi: 16.5/30 - Học bạ: 18/30	
Nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202)												
2	7220201	Tiếng anh truyền thông	7220201	Ngôn ngữ anh	Điểm thi THPT (100) Học bạ THPT (200)	Chưa tuyển sinh (mới mở năm 2025)			Chưa tuyển sinh (mới mở năm 2025)			
Nhóm ngành Kinh tế học (73101)												
3	7310109	Quản trị kinh doanh số	7310109	Kinh tế số	Điểm thi THPT (100) Học bạ	45	38	- Điểm thi: 20.9/30 - Học bạ: 19.7/30	100	21	- Điểm thi: 17.5/30 - Học bạ: 18.5/30	
4	7310109_TC	Công nghệ tài chính	7310109	Kinh tế số	THPT (200)	Chưa tuyển sinh (mới mở năm 2025)			Chưa tuyển sinh (mới mở năm 2025)			
Nhóm ngành Báo chí và truyền thông (73201)												

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
5	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	Điểm thi THPT (100) Học bạ THPT (200)	435	349	- Điểm thi: 21.7/30 - Học bạ: 18.0/30	500	259	- Điểm thi: 16.0/30 - Học bạ: 18.5/30	
6	7320104_NTS	Nghệ thuật số	7320104	Truyền thông đa phương tiện		Chưa tuyển sinh (mới mở năm 2025)			Chưa tuyển sinh (mới mở năm 2025)			
7	7320106	Công nghệ truyền thông	7320106	Công nghệ truyền thông		120	112	- Điểm thi: 19.7/30 - Học bạ: 19.4/30	80	81	- Điểm thi: 17.0/30 - Học bạ: 18.5/30	
Nhóm ngành Kinh doanh (73401)												
8	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	Điểm thi THPT (100) Học bạ THPT (200)	150	183	- Điểm thi: 21.7/30 - Học bạ: 19.2/30	300	203	- Điểm thi: 17.0/30 - Học bạ: 18.5/30	
9	7340122_TD	Marketing số	7340122	Thương mại điện tử		150	117	- Điểm thi: 21.5/30 - Học bạ: 18.8/30	200	115	- Điểm thi: 16.0/30 - Học bạ: 18.5/30	
Nhóm ngành Quản trị - Quản lý (73404)												
10	7340405	Quản lý logistics và chuỗi cung	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Điểm thi THPT (100)	95	49	- Điểm thi: 21.4/30 - Học bạ:	20	6	- Điểm thi: 18.5/30 - Học bạ:	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
		ứng			Học bạ THPT (200)			20.1/30			20.0/30	
11	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng		115	137	- Điểm thi: 22.0/30 - Học bạ: 19.4/30	203	109	- Điểm thi: 16.0/30 - Học bạ: 19.0/30	
Nhóm ngành Máy tính (74801)												
12	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Điểm thi THPT (100) Học bạ THPT (200)	205	186	- Điểm thi: 20.8/30 - Học bạ: 19.1/30	185	193	- Điểm thi: 16.0/30 - Học bạ: 19.5/30	
13	7480103_KNU	Kỹ thuật phần mềm liên kết quốc tế	7480103	Kỹ thuật phần mềm		20	7	- Điểm thi: 21.1/30 - Học bạ: 20.9/30	15	14	- Điểm thi: 19.5/30 - Học bạ: 20.5/30	
14	7480108	Kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính		50	57	- Điểm thi: 21.4/30 - Học bạ: 19.1/30	30	39	- Điểm thi: 16.5/30 - Học bạ: 19.0/30	
15	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính		140	63	- Điểm thi: 22.1/30 - Học bạ: 20.2/30	46	57	- Điểm thi: 16.5/30 - Học bạ: 18.5/30	
16	7480102	Mạng máy tính và truyền	7480102	Mạng máy tính và truyền		20	13	- Điểm thi: 22.8/30	30	12	- Điểm thi: 16.5/30	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
		thông dữ liệu		thông dữ liệu				- Học bạ: 22.3/30			- Học bạ: 20.5/30	
17	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin		25	11	- Điểm thi: 21.7/30 - Học bạ: 21.4/30	30	14	- Điểm thi: 16.5/30 - Học bạ: 21.5/30	
Nhóm ngành Công nghệ thông tin (74802)												
18	7480202	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	Điểm thi THPT (100) Học bạ THPT (200)	70	51	- Điểm thi: 19.3/30 - Học bạ: 20.5/30	50	41	- Điểm thi: 18.0/30 - Học bạ: 21.0/30	
19	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin		780	791	- Điểm thi: 20.9/30 - Học bạ: 18.2/30	900	756	- Điểm thi: 16.0/30 - Học bạ: 18.5/30	
20	7480201_CLC	Công nghệ thông tin trọng điểm	7480201	Công nghệ thông tin		50	0	- Điểm thi: 20.7/30 - Học bạ: 20.3/30	50	0	- Điểm thi: 16.5/30 - Học bạ: 20.5/30	
21	7480201_QT	Công nghệ thông tin quốc tế	7480201	Công nghệ thông tin		30	38	- Điểm thi: 18.7/30 - Học bạ: 20.6/30	50	48	- Điểm thi: 16.5/30 - Học bạ: 19.5/30	
Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí (75102)												

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
22	7510212	Công nghệ ô tô	7510212	Công nghệ ô tô và giao thông thông minh	Điểm thi THPT (100) Học bạ THPT (200)	130	123	- Điểm thi: 19.9/30 - Học bạ: 18.2/30	120	97	- Điểm thi: 16.0/30 - Học bạ: 18.0/30	
Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông (75103)												
23	7510301	Kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi THPT (100) Học bạ THPT (200)	70	87	- Điểm thi: 19.6/30 - Học bạ: 19.3/30	85	52	- Điểm thi: 16.0/30 - Học bạ: 18.5/30	
24	7510302	Điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông		50	34	- Điểm thi: 21.3/30 - Học bạ: 18.7/30	60	45	- Điểm thi: 17.0/30 - Học bạ: 20.0/30	
25	7510302_V	Vi mạch bán dẫn	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông		30	46	- Điểm thi: 21.7/30 - Học bạ: 20.3/30	0	0		
26	7510303	Tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		135	145	- Điểm thi: 18.4/30 - Học bạ: 18.8/30	150	110	- Điểm thi: 16.0/30 - Học bạ: 18.5/30	
Nhóm ngành Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật (75201)												

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
27	7520119	Cơ điện tử	7520119	Kỹ thuật cơ điện tử thông minh và Robot	Điểm thi THPT (100) Học bạ THPT (200)	35	36	- Điểm thi: 20.1/30 - Học bạ: 19.1/30	35	8	- Điểm thi: 16.0/30 - Học bạ: 18.5/30	

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY VỚI ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TỪ TRUNG CẤP TRỞ LÊN

1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, THBT và tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng hoặc đại học, có nguyện vọng học tiếp lên trình độ đại học theo hướng chuyên môn phù hợp, hoặc theo hướng chuyên môn khác nếu đáp ứng các điều kiện của chương trình đào tạo.

- Thí sinh dự tuyển liên thông phải bảo đảm các điều kiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học và có một trong các văn bằng dưới đây:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học do các cơ sở giáo dục trong nước cấp.

+ Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học do các cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hóa học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.1. Liên thông trình độ đại học từ trung cấp

- Xét tuyển theo phương thức xét theo kết quả học bạ THPT.

- Xét tuyển theo kết quả học tập bậc trung cấp.

2.2. Liên thông trình độ đại học từ cao đẳng: Xét tuyển

- Xét tuyển theo phương thức xét theo kết quả học bạ THPT.

- Xét tuyển theo kết quả học tập bậc Cao đẳng.

2.3. Liên thông trình độ đại học với đối tượng đã có 1 bằng đại học

- Xét tuyển dựa vào kết quả văn bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất.

- Xét tuyển theo học bạ THPT.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh

3.1. Chỉ tiêu tuyển sinh liên thông trình độ đại học từ trung cấp

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	10	- Phương thức 1 (200):	
2	7480202	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	2	(Tổ hợp:	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
		tin				Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2 (500): Kết quả bậc học trung cấp	
3	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	2		
4	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	2		
5	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2		
6	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2		
7	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2		
8	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2		
9	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	2		
10	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	2		
11	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng	2		
12	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	2		
13	7320106	Công nghệ truyền thông	7320106	Công nghệ truyền thông	2		
14	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	2		

Môn 1, Môn 2 là môn bất kỳ trong các môn: Văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục công dân, Tin học, Công nghệ, Tiếng Anh.

1.3.2. Chỉ tiêu tuyển sinh liên thông trình độ đại học từ cao đẳng

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	10	- Phương thức 1 (200): (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2 (500): Kết quả bậc học cao đẳng	
2	7480202	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	2		
3	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	2		
4	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	2		
5	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2		
6	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2		
7	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2		
8	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2		
9	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	2		
10	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	2		
11	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng	2		
12	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	2		
13	7320106	Công nghệ truyền thông	7320106	Công nghệ truyền thông	2		
14	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	2		

Môn 1, Môn 2 là môn bất kỳ trong các môn: Văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục công dân, Tin học, Công nghệ, Tiếng Anh.

3.3. Chỉ tiêu tuyển sinh liên thông trình độ đại học với đối tượng đã có 1 bằng đại học

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	10	- Phương thức 1 (200): (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2 (500): Kết quả học văn bằng đại học thứ nhất	
2	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	2		
3	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	2		
4	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2		
5	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2		
6	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2		
7	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2		
8	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	2		
9	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	2		
10	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng	2		

Môn 1, Môn 2 là môn bất kỳ trong các môn: Văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục công dân, Tin học, Công nghệ, Tiếng Anh

4. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

4.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trường không áp dụng tiêu chí phụ trong xét tuyển. Không có sự chênh lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng 1 phương thức.

4.2. Điểm cộng: Trường không áp dụng cộng điểm với các thí sinh có thành tích đặc biệt và chứng chỉ ngoại ngữ. Đối với ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo với phương thức xét tuyển theo học bạ (200).

4.3. Các thông tin khác

- Mã trường: DTC

4.3.1. Liên thông trình độ đại học từ trung cấp

- Điều kiện nhận hồ sơ

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, THBT hoặc tương đương.

+ Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

+ ***Xét tuyển theo kết quả tốt nghiệp trung cấp.***

Thí sinh có kết quả học tập toàn khóa hệ trung cấp đạt từ 2.0 trở lên theo thang điểm 4 hoặc 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

+ Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT

Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + điểm ưu tiên (*nếu có*) đạt từ 15.0 trở lên

Điểm xét tuyển = [Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 (*3 môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển*)] + Điểm ưu tiên.

4.3.2. Liên thông trình độ đại học từ cao đẳng

- Điều kiện nhận hồ sơ

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, THBT hoặc tương đương.

+ Thí sinh đã tốt nghiệp cao đẳng.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

+ ***Xét tuyển theo kết quả tốt nghiệp cao đẳng.***

Thí sinh có kết quả học tập toàn khóa hệ cao đẳng đạt từ 2.0 trở lên theo thang điểm 4 hoặc 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

+ Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT

Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + điểm ưu tiên (*nếu có*) đạt từ 15.0 trở lên

Điểm xét tuyển = [Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 (*3 môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển*)] + Điểm ưu tiên.

4.3.3. Liên thông trình độ đại học với đối tượng đã có 1 bằng đại học

- Điều kiện nhận hồ sơ: Thí sinh đã tốt nghiệp 1 bằng đại học.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

+ ***Xét tuyển theo kết quả văn bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất.***

Thí sinh có kết quả học tập toàn khóa văn bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất đạt từ 2.0 trở lên theo thang điểm 4 hoặc 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

+ Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT

Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + điểm ưu tiên (*nếu có*) không thấp hơn 15.0

Điểm xét tuyển = [Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển] + Điểm ưu tiên.

4.4. Các thông tin khác: không trái với quy định hiện hành.

5. Tổ chức tuyển sinh

5.1. Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: Tuyển sinh liên tục trong năm, các đợt tuyển sinh dự kiến:

- Đợt 1: Từ tháng 02 đến tháng 6/2025.

- Đợt 2: Từ tháng 6 đến tháng 8/2025.

- Đợt 3: Từ tháng 8 đến tháng 12/2025.

5.2. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại trường: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

+ Chuyển phát nhanh hồ sơ qua đường bưu điện đến địa chỉ của trường: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông. Đường Z115, Quyết Thắng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 0981336629.

+ Hồ sơ ĐKXT:

Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu của Trường*);

Sơ yếu lý lịch;

Giấy khai sinh bản sao công chứng;

Chứng minh thư nhân dân bản sao công chứng;

Bằng tốt nghiệp THPT; học bạ THPT bản sao công chứng;

Bằng tốt nghiệp: trung cấp, cao đẳng đại học bản sao công chứng (*nếu thí sinh tốt nghiệp hệ liên thông, nộp bằng tốt nghiệp tất cả các bậc học*);

Bảng điểm: trung cấp, cao đẳng, đại học bản sao công chứng (*nếu thí sinh tốt nghiệp hệ liên thông, nộp bảng điểm tất cả các bậc học*);

6. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển: Nhà trường miễn lệ phí cho thí sinh đăng ký xét tuyển.

7. Việc Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nếu có đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại sai sót về thông tin Nhà trường xem xét giải quyết theo quy định đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh.

8. Các nội dung khác

Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm.

- Học phí năm học 2025-2026

+ Khối ngành II: Nghệ thuật (Thiết kế đồ họa): 1.520.000đ/1 tháng

+ Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý (Thương mại điện tử; Marketing số; Quản trị văn phòng; Quản lý logistics và chuỗi cung ứng): 1.590.000 đ/1 tháng

+ Khối ngành V: Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật (Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; Hệ

thông tin; An toàn thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Công nghệ ô tô; Kỹ thuật điện, điện tử; Điện tử - viễn thông; Tự động hóa; Cơ điện tử; Vi mạch bán dẫn): 1.850.000đ/1 tháng

+ Khối ngành VII: Báo chí và thông tin; Khoa học xã hội và hành vi (Công nghệ truyền thông; Truyền thông đa phương tiện; Quản trị kinh doanh số): 1.690.000đ/1 tháng

- Lộ trình tăng học phí thực hiện theo các Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập ; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

9. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

9.1. Liên thông trình độ đại học từ trung cấp

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Học bạ THPT (200)	25	2	- Phương thức khác: 6.1/10	8	3	- Phương thức khác: 6.7/10	
2	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	Phương thức khác (500)				3	2	- Học bạ: 17.5/30 - Phương thức khác: 7.4/10	

9.2. Liên thông trình độ đại học từ cao đẳng

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Học bạ THPT (200)	25	3	- Phương thức khác: 6.28/10	14	21	- Phương thức khác: 5.62/10	
2	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	Phương thức khác (500)	10	1	- Phương thức khác: 9.1/10	10	8	- Phương thức khác: 6.09/10	
3	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa		5	1	- Phương thức khác: 7.4/10				

9.3. Liên thông trình độ đại học với đối tượng đã có 1 bằng đại học

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Học bạ THPT (200)	90	41	- Phương thức khác: 5.48/10	16	52	- Phương thức khác: 5.56/10; 2.32/4	
2	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	Phương thức khác (500)				2	7	- Phương thức khác: 7.0210; 2.48/4	
3	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính					1	1	- Phương thức khác: 6.98/10	

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Tuyển sinh trình độ đại học hệ vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, THPT hoặc tương đương có nguyện vọng học tiếp lên trình độ đại học hệ vừa làm vừa học vào các ngành của nhà trường.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hóa học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

1.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Xét tuyển theo phương thức xét theo kết quả học bạ THPT.

1.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	25	- Phương thức (200): (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2).	
2	7480202	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	5		
3	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	5		
4	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	5		
5	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5		
6	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	5		
7	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	5		
8	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	5		
9	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	5		
10	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	5		
11	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng	15		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
12	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	5		
13	7320106	Công nghệ truyền thông	7320106	Công nghệ truyền thông	5		
14	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	5		

Môn 1, Môn 2 là môn bất kỳ trong các môn: Ngữ văn, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục công dân, Tin học, Công nghệ, Tiếng Anh.

1.4. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

1.4.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trường không áp dụng tiêu chí phụ trong xét tuyển. Không có sự chênh lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển.

1.4.2. Điểm ưu tiên: Áp dụng theo quy định hiện hành về cộng điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4.3. Các thông tin khác

- Mã trường: DTC

- **Điều kiện nhận hồ sơ:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, THBT hoặc tương đương.

- **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**

Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT, THBT hoặc tương đương

Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ 15.0 trở lên

Điểm xét tuyển = [Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 (3 môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển)] + Điểm ưu tiên.

1.4.4. Các thông tin khác: không trái với quy định hiện hành

1.5. Tổ chức tuyển sinh

1.5.1. Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: Tuyển sinh liên tục trong năm, các đợt tuyển sinh dự kiến:

- Đợt 1: Từ tháng 02 đến tháng 6/2025.

- Đợt 2: Từ tháng 6 đến tháng 8/2025.

- Đợt 3: Từ tháng 8 đến tháng 12/2025.

1.5.2. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại trường: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

+ Chuyển phát nhanh hồ sơ qua đường bưu điện đến địa chỉ của trường: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông. Đường Z115, Quyết Thắng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 0981336629.

+ Nộp hồ sơ tại đơn vị liên kết.

+ Hồ sơ ĐKXT:

Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu của Trường*);

Sơ yếu lý lịch;

Giấy khai sinh bản sao công chứng;

Chứng minh thư nhân dân bản sao công chứng;

Bằng tốt nghiệp THPT bản sao công chứng;

Học bạ THPT bản sao công chứng;

1.6. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển: Nhà trường miễn lệ phí cho thí sinh đăng ký xét tuyển.

1.7. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nếu có đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại sai sót về thông tin Nhà trường xem xét giải quyết theo quy định đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh.

1.8. Các nội dung khác

Học phí dự kiến với sinh viên vừa làm vừa học; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm.

- Học phí năm học 2025-2026

+ Khối ngành II: Nghệ thuật (Thiết kế đồ họa): 2.280.000đ/1 tháng

+ Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý (Thương mại điện tử; Quản trị văn phòng; Hệ thống thông tin quản lý): 2.385.000 đ/1 tháng

+ Khối ngành V: Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật (Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin; An toàn thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa): 2.775.000đ/1 tháng

+ Khối ngành VII: Báo chí và thông tin (Công nghệ truyền thông; Truyền thông đa phương tiện): 2.535.000đ/1 tháng

- Lộ trình tăng học phí thực hiện theo các Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập ; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, THBT và đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng hoặc đại học, có nguyện vọng học tiếp lên trình độ đại học theo hướng chuyên môn phù hợp, hoặc theo hướng chuyên môn khác nếu đáp ứng các điều kiện của chương trình đào tạo.

- Thí sinh dự tuyển liên thông phải bảo đảm các điều kiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học và có một trong các văn bằng dưới đây:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học do các cơ sở giáo dục trong nước cấp.

+ Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học do các cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hóa học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

2.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.2.1. Liên thông trình độ đại học từ trung cấp: Xét tuyển

- Xét tuyển theo phương thức xét kết quả học bạ THPT.

- Xét tuyển theo kết quả học tập bậc trung cấp.

2.2.2. Liên thông trình độ đại học từ cao đẳng

- Xét tuyển theo phương thức xét kết quả học bạ THPT.

- Xét tuyển theo kết quả học tập bậc cao đẳng.

2.2.3. Liên thông trình độ đại học với đối tượng đã có 1 bằng đại học

- Xét tuyển theo phương thức xét kết quả học bạ THPT.

- Xét tuyển theo kết quả học tập bậc đại học.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

2.3.1. Chỉ tiêu tuyển sinh liên thông trình độ đại học từ trung cấp

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	20	- Phương thức 1 (200): (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2 (500): Kết quả bậc học trung cấp	
2	7480202	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	2		
3	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	2		
4	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	2		
5	7510301	Công nghệ kỹ	7510301	Công nghệ kỹ	2		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
		thuật điện, điện tử		thuật điện, điện tử			
6	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2		
7	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2		
8	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	6		
9	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	14		
10	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	2		
11	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng	40		
12	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	2		
13	7320106	Công nghệ truyền thông	7320106	Công nghệ truyền thông	2		
14	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	2		

Môn 1, Môn 2 là môn bất kỳ trong các môn: Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục công dân, Tin học, Công nghệ, Tiếng Anh.

2.3.2. Chỉ tiêu tuyển sinh liên thông trình độ đại học từ cao đẳng

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	19	- Phương thức 1 (200): (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2 (500): Kết quả bậc học cao đẳng	
2	7480202	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	2		
3	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	2		
4	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	2		
5	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2		
6	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
		động hóa					
7	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2		
8	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	6		
9	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	20		
10	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	2		
11	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng	35		
12	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	2		
13	7320106	Công nghệ truyền thông	7320106	Công nghệ truyền thông	2		
14	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	2		

Môn 1, Môn 2 là môn bất kỳ trong các môn: Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục công dân, Tin học, Công nghệ, Tiếng Anh.

2.3.3. Chỉ tiêu tuyển sinh liên thông trình độ đại học đối với đối tượng đã có 1 bằng đại học (VB2)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	20	- Phương thức 1 (200): (Tổ hợp: Toán + Môn 1 + Môn 2). - Phương thức 2 (500): Kết quả học văn bằng đại học thứ nhất	
2	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	2		
3	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	2		
4	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2		
5	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2		
6	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2		
7	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
8	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	16		
9	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	2		
10	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng	40		

Môn 1, Môn 2 là môn bất kỳ trong các môn: Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục công dân, Tin học, Công nghệ, Tiếng Anh.

2.4. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

2.4.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trường không áp dụng tiêu chí phụ trong xét tuyển. Không có sự chênh lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng 1 phương thức.

2.4.2. Điểm ưu tiên: Áp dụng theo quy định hiện hành về cộng điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo với phương thức xét tuyển theo học bạ (200).

2.4.3. Các thông tin khác

- Mã trường: DTC

2.4.3.1. Liên thông trình độ đại học từ trung cấp

- Điều kiện nhận hồ sơ

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, THBT hoặc tương đương.

+ Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

+ Xét tuyển theo kết quả tốt nghiệp trung cấp.

Thí sinh có kết quả học tập toàn khóa hệ trung cấp đạt từ 2.0 trở lên theo thang điểm 4 hoặc 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

+ Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT

Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ 15.0 trở lên

Điểm xét tuyển = [Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 (3 môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển)] + Điểm ưu tiên.

2.4.3.2. Liên thông trình độ đại học từ cao đẳng

- Điều kiện nhận hồ sơ

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, THBT hoặc tương đương.

+ Thí sinh đã tốt nghiệp cao đẳng.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

+ Xét tuyển theo kết quả tốt nghiệp cao đẳng.

Thí sinh có kết quả học tập toàn khóa hệ cao đẳng đạt từ 2.0 trở lên theo thang điểm 4 hoặc 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

+ Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT

Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ 15.0 trở lên

Điểm xét tuyển = [Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 (3 môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển)] + Điểm ưu tiên.

2.4.3.3. Liên thông đối với đối tượng đã có 1 bằng đại học (VB2)

- **Điều kiện nhận hồ sơ:** Thí sinh đã tốt nghiệp 1 bằng đại học.

- **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**

+ Xét tuyển theo kết quả văn bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất.

Thí sinh có kết quả học tập toàn khóa văn bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất đạt từ 2.0 trở lên theo thang điểm 4 hoặc 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

+ Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT

Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có) không thấp hơn 15.0

Điểm xét tuyển = [Tổng điểm tổng kết cuối năm của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển] + Điểm ưu tiên.

2.4.4. Các thông tin khác: không trái với quy định hiện hành.

2.5. Tổ chức tuyển sinh

2.5.1. Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: Tuyển sinh liên tục trong năm, các đợt tuyển sinh dự kiến:

- Đợt 1: Từ tháng 02 đến tháng 6/2025.

- Đợt 2: Từ tháng 6 đến tháng 8/2025.

- Đợt 3: Từ tháng 8 đến tháng 12/2025.

2.5.2. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại trường: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

+ Chuyển phát nhanh hồ sơ qua đường bưu điện đến địa chỉ của trường: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông. Đường Z115, Quyết Thắng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 0981336629.

+ Nộp hồ sơ tại đơn vị liên kết.

+ Hồ sơ ĐKXT:

Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường);

Sơ yếu lý lịch;

Giấy khai sinh bản sao công chứng;

CCCD bản sao công chứng;

Bằng tốt nghiệp THPT; học bạ THPT bản sao công chứng;

Bằng tốt nghiệp: trung cấp, cao đẳng, đại học bản sao công chứng (*nếu thí sinh tốt nghiệp hệ liên thông, nộp bằng tốt nghiệp tất cả các bậc học*);

Bảng điểm: trung cấp, cao đẳng, đại học bản sao công chứng (*nếu thí sinh tốt nghiệp hệ liên thông, nộp bảng điểm tất cả các bậc học*);

2.2.6. Lệ phí xét tuyển: Nhà trường miễn lệ phí cho thí sinh đăng ký xét tuyển.

2.2.7. Việc Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nếu có đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại sai sót về thông tin Nhà trường xem xét giải quyết theo quy định đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh.

2.2.8. Các nội dung khác

Học phí dự kiến với sinh viên vừa làm vừa học; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm.

- Học phí năm học 2025-2026

+ Khối ngành II: Nghệ thuật (Thiết kế đồ họa): 2.280.000đ/1 tháng

+ Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý (Thương mại điện tử; Quản trị văn phòng; Hệ thống thông tin quản lý): 2.385.000 đ/1 tháng

+ Khối ngành V: Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật (Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin; An toàn thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa): 2.775.000đ/1 tháng

+ Khối ngành VII: Báo chí và thông tin (Công nghệ truyền thông; Truyền thông đa phương tiện): 2.535.000đ/1 tháng

- Lộ trình tăng học phí thực hiện theo các Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập ; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

9. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

9.1. Liên thông trình độ đại học từ trung cấp

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
3	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Học bạ THPT (200)				25	1	- Phương thức khác: 7.06/10	
4	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng	Phương thức khác (500)				60	32	- Phương thức khác: 5.7/10	

9.2. Liên thông trình độ đại học từ cao đẳng

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
4	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Học bạ THPT (200)				25	1	- Phương thức khác: 6.89/10	
5	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	Phương thức khác (500)	10	25	- Phương thức khác: 5.96/10; 2.11/4				
6	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng					60	38	- Phương thức khác: 6.00/10; 2.27/4	

9.3. Liên thông trình độ đại học với đối tượng đã có 1 bằng đại học

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
4	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Học bạ THPT (200)				25	2	- Phương thức khác: 7.53/10	
5	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng	Phương thức khác (500)				50	12	- Phương thức khác: 6.0110; 2.35/4	

IV. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TỪ XA

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên (trung cấp, cao đẳng, đại học).
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

- Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT: xét tuyển điểm trung bình chung các môn học trong học bạ năm lớp 12.
- Đối với thí sinh đã có bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng: xét tuyển theo điểm trung bình chung toàn khóa học trên bảng điểm Trung cấp, Cao đẳng (theo thang điểm 10) hoặc xét tuyển điểm trung bình chung các môn học năm lớp 12.
- Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đã tốt nghiệp 1 bằng đại học.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	700	- Xét tuyển theo học bạ (200): TBM cả năm lớp 12. - Xét tuyển theo kết quả học TC, CĐ (500). - Xét tuyển thẳng với thí sinh đã tốt nghiệp ĐH	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trường không áp dụng tiêu chí phụ trong xét tuyển.

5.2. Điểm cộng: Trường không áp dụng cộng điểm.

5.3. Các thông tin khác

- Mã trường: DTC

- Điều kiện nhận hồ sơ: thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT.

6. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 5	Đợt 6
Tiếp nhận đăng ký đến ngày 10/01/2025	Tiếp nhận đăng ký đến ngày 28/3/2025	Tiếp nhận đăng ký đến ngày 06/6/2025	Tiếp nhận đăng ký đến ngày 08/8/2025	Tiếp nhận đăng ký đến ngày 10/10/2025	Tiếp nhận đăng ký đến ngày 12/12/2025

- Thí sinh đăng ký trực tuyến tại địa chỉ <http://daotaotuxa.ictu.edu.vn> hoặc nộp hồ sơ về địa chỉ:

Trung tâm Tin học, ngoại ngữ và đào tạo theo nhu cầu (Phòng 101, Nhà C6) - **Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông** - Đường Z115, Quyết Thắng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên - Điện thoại: 0828 233234 - 0869 343539.

- Hồ sơ nộp gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu của Trường*).

+ Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT, học bạ THPT.

+ Bản sao công chứng Căn cước công dân.

+ 02 ảnh 4x6 (*ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh mặt sau ảnh*).

+ Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học, thí sinh nộp bản sao công chứng bằng, bằng điểm (*Nếu thí sinh học liên thông nhiều trình độ cần nộp đầy đủ bản sao công chứng bằng, bằng điểm các trình độ*).

- Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ.

- Trường không hoàn trả hồ sơ dự tuyển sau khi thí sinh đã nộp.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Trường miễn lệ phí cho thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành học từ xa của trường.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

- Nếu có đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại sai sót về tuyển sinh, trường xem xét giải quyết hoặc phối hợp với các CSĐT có liên quan để giải quyết theo quy định đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh.

- Tư vấn, hỗ trợ và giải quyết phản ánh, khiếu nại và bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong các trường hợp có sai sót thông tin.

- Nếu phản ánh, khiếu nại thay đổi kết quả xét tuyển, trường sẽ báo cáo về Đại học Thái Nguyên và Bộ GDĐT để cập nhật vào hệ thống và phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

10. Các nội dung khác

10.1. Học phí

- Học phí năm học 2025-2026 đối với ngành Công nghệ thông tin: 1.640.000đ/tháng.

- Đối với các ngành đào tạo từ xa dự kiến mở trong năm học 2025 -2026, mức học phí dự kiến như sau:

+ Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý (Thương mại điện tử; Marketing số; Quản trị văn phòng; Quản lý logistics và chuỗi cung ứng): 1.410.000 đ/1 tháng

+ Khối ngành V: Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật (Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin; An toàn thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Công nghệ ô tô;

Kỹ thuật điện, điện tử; Điện tử - viễn thông; Tự động hóa; Cơ điện tử; Vi mạch bán dẫn):
1.640.000đ/1 tháng

+ Khối ngành VII: Báo chí và thông tin; Khoa học xã hội và hành vi (Công nghệ truyền thông; Truyền thông đa phương tiện; Quản trị kinh doanh số): 1.500.000đ/1 tháng

- Lộ trình tăng học phí thực hiện theo các Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập ; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

10.2. Thông tin liên hệ tư vấn tuyển sinh đại học từ xa:

**Trung tâm Tin học, ngoại ngữ và đào tạo theo nhu cầu (Phòng 101 - nhà C6) -
Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông**

- Địa chỉ: Đường Z115, Quyết Thắng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

- Hotline: 0869 34 35 39; 0828 233 234

- Email: daotaotuxa@ictu.edu.vn

- Website: <https://daotaotuxa.ictu.edu.vn/>

- Facebook: <https://www.facebook.com/daotaotuxa.ictu.edu.vn>

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Học bạ THPT (200) Phương thức khác (500)	350	119	- Phương thức khác: 5.4/10 - Học bạ: 5.0/10	400	119	- Phương thức khác: 5.9/10 - Học bạ: 5.0/10	

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 6 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Phùng Trung Nghĩa